

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày 15/03/2021
V/v: Tranh chấp về thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nhụ, cán bộ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.
2. Bà Nguyễn Thị Chung, cán bộ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thứ, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-DS ngày 7 tháng 10 năm 2020 “Tranh chấp về thừa kế”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2020/QĐXX- DSST, ngày 4 tháng 12 năm 2020, các Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 21/12/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 21/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04A/QĐST-DS ngày 19/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bi, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

(Do bà Nguyễn Thị Th là con trưởng là người giám hộ - đại diện tham gia tố tụng. Bà Th ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị Bi – có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Bung Thuộc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

(Bà Th ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Bi – có mặt).

3. Ông Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

(Do chị Nguyễn Thị Bi là người giám hộ - đại diện tham gia tố tụng)

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 30, Xóm Mới, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
(Bà T ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Bi – có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
(Bà B ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Bi – có mặt)

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950. (đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía nguyên đơn, lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì nội dung vụ án tóm tắt như sau.

Cụ Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1927 và cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1937, cả hai cụ đều có quê quán và cư trú tại thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Cụ Tài mất từ năm 2009, cụ L còn sống và đang ở tại thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân.

Sinh thời cụ Tài, cụ L sinh được 06 người con gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957 là con cả. Bà Th lấy chồng và hiện nay đang ở tại địa chỉ: Tổ 8, ấp Bưng Thuộc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1960, ông Ph hiện ở thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Ông Ph do sức khỏe tâm thần yếu, ông Ph không minh mẫn, không làm chủ được hành vi. Tại quyết định số 38/2019/QĐPT-VDS ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tuyên bố ông Ph là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Tòa án cũng đã chỉ định chị Bi là người giám hộ cho ông Ph.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Hiện bà T ở tại địa chỉ: Số 30, Xóm Mới, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1964. Bà Nh hiện nay đang ở tại địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969, bà B không có chồng con, hiện ở cùng với cụ L tại thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

6. Chị Nguyễn Thị Bi, sinh năm 1972. Hiện chị Bi đang ở tại thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài 06 người con trên thì cụ Tài, cụ L không có con nào khác, các cụ cũng không có con nuôi.

Đối với cụ L, do cụ L cũng đã già yếu, cụ L không còn minh mẫn, không có đủ nhận thức để làm chủ hành vi nên tại Quyết định số 01/2018/QĐST-DS ngày

14/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Quế Võ đã tuyên bố cụ L bị mất năng lực hành vi dân sự.

Thời điểm khi cụ Tài còn sống thì cụ Tài và cụ L đã sử dụng một thửa đất đất ở tại thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất có diện tích theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 2002 là 572m² và có số thửa 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa. Các con của cụ Tài, cụ L cũng sinh ra và lớn lên trên thửa đất này đến khi trưởng thành lập gia đình riêng, con gái lớn thì lấy chồng theo về nhà chồng. Thời điểm hiện nay chỉ còn cụ L, ông Ph và bà B vẫn ở cùng với cụ L từ bé đến bây giờ.

Theo chị Bi trình bày: Cụ Tài mất năm 2009, trước khi mất cụ Tài không để lại di chúc phân chia thừa kế như thế nào cả. Sau khi cụ Tài mất thì thửa đất do cụ L, ông Ph và bà B sử dụng. Thời điểm năm 2001 thửa đất được UBND huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn Tài, hộ cụ Tài khi đó có cụ Tài, cụ L, ông Ph và bà B. Sau khi cụ Tài mất do bà Th, bà T, bà Nh và chị đều đi lấy chồng và theo về nhà chồng chỉ còn cụ L, ông Ph và bà B ở trên thửa đất. Cụ L thì già yếu không minh mẫn, ông Ph sức khỏe tâm thần cũng yếu không làm chủ được hành vi, bà B cũng sức khỏe yếu không làm việc được, không có thu nhập thường xuyên nên cuộc sống của 03 mẹ con rất khó khăn. Mấy chị em của chị gồm chị, bà T, bà Th có thống nhất bán đi một phần đất của cụ Tài để lại, để lấy tiền sửa chữa nhà cửa và lo cho cuộc sống của cụ L, ông Ph và bà B nhưng bà Nh không nhất trí. Bà Nh cầm sổ đỏ của cụ Tài và nhất định không cùng với chị em chị bán đất nên làm cho chị với các bà T, bà Th không thực hiện nguyện vọng của mình, trong khi đó bà Nh cũng không chăm lo, quan tâm gì đến cụ L cũng như với ông Ph, bà B. Chị cũng có đề nghị là chị em chị (cả bà Th, bà T) đồng ý cho bà Nh sử dụng toàn bộ thửa đất nhưng phải có trách nhiệm với mẹ, với ông Ph, bà B nhưng bà Nh cũng không nghe, vẫn không chăm lo. Nay do các chị cũng không có điều kiện để chăm lo cho cụ L cũng như ông Ph, bà B nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia thừa kế di sản của cụ Tài để lại theo quy định của pháp luật để các chị có quyền tự quyết định việc định đoạt khối tài sản mà không phải phụ thuộc vào bà Nh nữa.

Về di sản của cụ Tài để lại chị xác định là phần tài sản trong khối tài sản chung gồm có thửa đất số thửa 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ; Tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà 3 gian cấp 4 đã cũ nát, 01 nhà bếp và một số công trình phụ, cây cối lâm lộc trên đất.

Đối với phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh: Chị Bi khởi kiện bà Nh yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Tài để lại. Quá trình chuẩn bị xét xử bà Nh đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để lấy lời khai, tiến hành thủ tục họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nh cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc. Tòa án cũng đã tiến hành đến nhà của bà Nh, gặp bà Nh để hỏi ý kiến của bà về yêu cầu khởi kiện của chị Bi nhưng bà Nh không làm việc, không trả lời các câu hỏi của Tòa án do vậy không có lời khai của bà Nh trong hồ sơ vụ án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Cụ Nguyễn Thị L do bà Nguyễn Thị Th là con cả đại diện, bà Th ủy quyền cho chị Bi tham gia tố tụng trình bày: Cụ L cũng nhất trí với phần trình bày của chị Bi về quan hệ vợ chồng giữa cụ L với cụ Tài, quan hệ giữa hai cụ với các bà Th, bà T, ông Ph, bà Nh, bà B và chị Bi. Về phần di sản thừa kế thì khi cụ Tài còn sống hai cụ đã sử dụng thửa đất số 474 này rồi. Thửa đất đến năm 2001 thì được Nhà nước cấp sổ đỏ cho hộ gia đình cụ L, khi đó hộ gia đình có cụ Tài, cụ L, ông Ph và bà B. Nay chị Bi đại diện quyền lợi cho cụ L đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xác định di sản của cụ Tài để lại trong khối tài sản chung của hộ gia đình và chia thừa kế di sản đó. Phần di sản mà cụ L được hưởng từ cụ Tài đề nghị giao chung vào phần của chị Bi được hưởng và cho chị Bi quản lý sử dụng.

Phía bà T, bà Th, ông Ph (ông Ph do chị Bi giám hộ - đại diện), bà B do chị Bi đại diện trình bày: Các bà Th, bà T, ông Ph và bà B đều xác nhận nội dung về mối quan hệ nhân thân giữa cụ Tài, cụ L với các ông bà như chị Bi đã trình bày là đúng. Điều xác định di sản của cụ Tài để lại là phần tài sản nằm trong khối tài sản chung là thửa đất số 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ cùng các tài sản trên đất mà cụ Tài, cụ L đã tạo dựng được. Nay bà Th, ông Ph, bà T, bà B đều đề nghị Tòa án xác định di sản của cụ Tài để lại và phân chia di sản theo quy định của pháp luật. Phần di sản mà bà Th, ông Ph, bà T và chị B được hưởng được giao chung vào phần di sản của chị Bi được hưởng và giao cho chị Bi được quản lý sử dụng.

Phía bà Nguyễn Thị H tại lời khai ngày 5/11/2020 trình bày: Hiện nay bà đang sử dụng thửa đất nằm về hướng Tây thửa đất của cụ L sử dụng. Năm 2005 bà có làm lại nhà, do thửa đất nhà bà không được vuông vắn và đất của cụ L thì lại có diện tích thò sang đất nhà bà. Do vậy bà có hỏi bà Nh bán cho bà một phần đất để bà làm nhà cho vuông vắn. Bà Nh đã bán cho bà một diện tích cũng không cụ thể xác định là bao nhiêu m² mà chỉ lấy bằng gianh giới với giá 15.000.000 đồng. Nay phía chị Bi có yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Tài để lại, bà cũng biết cụ L, bà Th, ông Ph, bà T, bà B và chị Bi không có yêu cầu gì đối với phần đất mà bà đã mua từ bà Nh nên bà cũng không có ý kiến, yêu cầu gì. Bà cũng biết hiện nay phần đất của gia đình bà theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất thì còn thò sang đất của cụ L một phần nhỏ khoảng 1- 2 m² nhưng bà xác định khi mua bán với bà Nh hai bên cũng đã xác định gianh giới hiện nay giữa hai thửa đất là bức tường mà bà đã xây. Bà H cũng không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ kiện.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án cũng đã tiến hành làm việc với UBND xã Đại Xuân, với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quế Võ xác minh được nội dung sau; Thửa đất số 474 có nguồn gốc do cụ Nguyễn Văn Tài và cụ Nguyễn Thị L sử dụng từ trước năm 1945. Hiện thửa đất đã được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001 theo quyết định số 391/QĐUB ngày 28/02/2001, giấy chứng nhận có số vào sổ 00086. Đất được cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn Tài, thời điểm cấp sổ hộ cụ Tài có cụ Tài, cụ L, ông Ph và bà B. Kể từ thời điểm cấp sổ đỏ đến nay thửa đất không có biết động về chủ sử dụng, hiện thửa đất vẫn đứng tên chủ sử dụng là hộ cụ Nguyễn Văn Tài theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án cũng đã tiến hành thủ tục xem xét thẩm định, định giá tài sản có tranh chấp chia thừa kế với kết quả như sau:

Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 28 có tứ cận hướng Đông giáp với tiểu ngõ, hướng Bắc giáp nhà đất ông Nguyễn Văn Đức, hướng Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị H, hướng Nam giáp nhà đất ông Nguyễn Quốc Hiếu. Thửa đất theo kết quả đo đạc có diện tích hiện trạng đang sử dụng là 536,5m², đất có giá 2.500.000 đồng/1m², giá trị thửa đất là 1.341.250.000 đồng.

Tài sản trên đất gồm: Giáp nhà ông Nguyễn Văn Đức (hướng Bắc thửa đất) có 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian, khung gỗ Xoan lợp ngói ta, tường xây 220 xây dựng năm 1990 có diện tích 38,7m², có giá trị sử dụng còn lại là 10.000.000 đồng; Nằm ở góc Tây Bắc thửa đất là 01 nhà bếp tường xây gạch lợp ngói ta xây trước năm 1990 có diện tích 23,0m², đã hết khấu hao có giá trị sử dụng còn lại là 0 (không) đồng; Giáp nhà cấp 4 về hướng Đông là 01 nhà lợp tôn có phòng ngủ, bếp, nhà vệ sinh có diện tích 41,5m² chị Bi khai do vợ chồng chị xây dựng năm 2018 có giá trị 64.124.000 đồng; Trước nhà cấp 4 là sân Ba ta có diện tích 138,8m² được làm trước năm 1990 hiện đã cũ nát có giá trị còn lại là 1.000.000 đồng; Nằm góc Đông Nam thửa đất có 01 kho chứa (nhà lán) xây trụ gạch, lợp Ploximang có diện tích 19,4m² không còn giá trị sử dụng, giá 0 (không) đồng; Gianh giới với tiểu ngõ là bức tường xây gạch 110 có cổng ngõ 2 cánh tổng diện tích 30,5m² đã hết khấu hao giá trị sử dụng còn lại là 1.000.000 đồng; Trên đất có 01 cây Nhãn đường kính 40cm có giá trị 1.050.000 đồng; 01 cây Nhãn đường kính 25cm có giá trị 750.000 đồng; 01 cây Bưởi đường kính 20cm có giá trị 300.000 đồng; 01 cây Mít đường kính 30cm có giá trị 600.000 đồng.

Tổng giá trị khối tài sản định giá (không tính ngôi nhà lợp tôn do chị Bi làm năm 2018) có giá trị 1.355.950.000 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi năm triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Sau khi có kết quả thẩm định chị Bi trình bày: Chị không có ý kiến gì về việc diện tích đất thực tế hiện cụ L, ông Ph, bà B đang sử dụng có diện tích ít hơn so với diện tích có trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất là 35,5m² (536,5m² so với 572m²). Đối với phần đất mà bà Nh đã bán cho bà H chị cũng không có yêu cầu gì. Chị đề nghị Tòa án căn cứ diện tích đất thực tế theo kết quả thẩm định để giải quyết việc chia thừa kế.

Tại phiên tòa chị Bi vẫn giữ nguyên lời trình bày về nguồn gốc thửa đất, về các hàng thừa kế như đã khai trong thời gian chuẩn bị xét xử. Chị trình bày khi các anh chị em sinh ra thì cụ Tài, cụ L đã sử dụng thửa đất này rồi. Thời điểm năm 2001 khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình cụ Tài có cụ Tài, cụ L, ông Ph và bà B nên chị đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật xác định phần đất là di sản của cụ Tài là ¼ thửa đất. Đối với khối tài sản trên đất di sản của cụ Tài là ½ giá trị. Chị đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Chị đại diện cho cụ L, bà Th, bà T, ông Ph, bà B đề nghị phân di sản mà mẹ và các anh chị được hưởng chia vào phần di sản mà chị được hưởng và để chị được quyền sử dụng khối tài sản này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa có ý kiến về việc trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác và phía nguyên đơn, phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do nguyên đơn đại diện đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng cũng như phía nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với phía bị đơn là bà Nh quá trình chuẩn bị xét xử không tham gia các thủ tục tố tụng theo quy định, không làm làm việc với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ kiện khi không có lời khai, không tiến hành được thủ tục họp công khai chứng cứ và hòa giải với bà Nh là có căn cứ. Tại phiên tòa bà Nh cũng đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh là đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ để xác định; Sinh thời cụ Nguyễn Văn Tài, cụ Nguyễn Thị L có 06 người con gồm bà Th, ông Ph, bà T, bà Nh, bà B và chị Bi. Gia đình cụ Tài, cụ L đã sử dụng thửa đất số 474 từ trước năm 1945, thửa đất năm 2001 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn Tài, hộ cụ Tài khi đó có cụ Tài, cụ L, ông Ph và bà B nên xác định di sản của cụ Tài để lại là $\frac{1}{4}$ giá trị thửa đất theo kết quả thẩm định thực tế thửa đất. Căn cứ các Điều 610, 611, 612, 613, 623, 651, 660 của Bộ Luật dân sự chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ L, bà Th, ông Ph, bà T, bà Nh, bà B và chị Bi mỗi người được hưởng phần di sản như nhau trong tổng số $\frac{1}{4}$ giá trị thửa đất. Cụ L, bà Th, ông Ph, bà T, bà B đều nhận và thống nhất cho chị Bi sử dụng phần di sản được chia nên cần chấp nhận. Phần di sản của bà Nh được hưởng do diện tích đất không đủ để tách thửa nên giao cho chị Bi được sử dụng nhưng phải trích trả bà Nh số tiền tương ứng với di sản mà bà Nh được nhận. Đối với di sản là công trình xây dựng, cây cối lâm lộc trên phần đất là di sản phân chia giao cho chị Bi sử dụng. Số tài sản chung là công trình xây dựng của cụ Tài, cụ L trên phần đất chung của cụ L, ông Ph, bà B tạm giao cho chủ sử dụng đất quản lý sử dụng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật tương ứng với phần di sản mà mình được nhận.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xem xét tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cũng như chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bi thuộc quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là có căn cứ. Đối với cụ Nguyễn Thị L do già yếu, không minh mẫn và Tòa án đã có quyết định tuyên bố cụ L bị mất năng lực hành vi dân sự tại Quyết định số 01/2018/QĐST-DS ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Do cụ L bị mất năng lực hành vi dân sự, cụ Tài thì đã mất nên căn cứ khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật dân sự xác định bà Nguyễn Thị Th là con cả của cụ L là người giám hộ và cũng là người đại diện cho cụ L trong tố tụng của

vụ kiện. Đối với ông Nguyễn Thế Ph tại Quyết định số 38/2019/QĐPT-VDS ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã tuyên bố ông Ph là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi và Tòa án cũng chỉ định chị Bi làm người giám hộ cho ông Ph nên căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLDS chị Bi cũng đại diện cho ông Ph trong tố tụng của vụ kiện. Đối với bà Nh đã được Tòa án tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, họp công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nên căn cứ các Điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh.

[2]. Về nội dung giải quyết:

[2.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo yêu cầu khởi kiện của phía chị Nguyễn Thị Bi, chị Bi cho rằng sau khi mất cụ Tài có để lại di sản là phần tài sản trong khối tài sản chung của hộ gia đình cụ Tài. Nay do các các đồng thừa kế không tự phân chia được nên chị có yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Tài để lại theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là quan hệ tranh chấp về thừa kế.

[2.2]. *Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện về thừa kế*. Theo lời khai của các đương sự trong vụ án và theo giấy chứng tử của cụ Tài do UBND xã Đại Xuân cấp thì cụ Tài mất ngày 02/4/ 2005 nên xác định thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ Tài để lại là ngày 02/4/ 2005. Căn cứ quy định tại Điều 623 của Bộ Luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện để chia di sản thừa kế là bất động sản là 30 năm nên yêu cầu của chị Bi chia thừa kế di sản của cụ Tài để lại vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2.3]. *Về hàng thừa kế theo quy định của pháp luật*: Sinh thời cụ Nguyễn Văn Tài, cụ Nguyễn Thị L sinh được 06 người con bao gồm: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957, ông Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969 và chị Nguyễn Thị Bi, sinh năm 1972. Ngoài những người con trên thì cụ Tài, cụ L không có con nào khác, các cụ cũng không có con nuôi. Như vậy cụ Tài mất thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tài gồm có; cụ L, bà Th, ông Ph, bà T, bà Nh, bà B và chị Bi.

[2.4]. *Về xác định di sản thừa kế của cụ Tài để lại*:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự trong vụ án, căn cứ vào Bi bản làm việc với UBND xã Đại Xuân, huyện Quế Võ và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quế Võ xác định được thửa đất số 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân có nguồn gốc là của cụ Tài, cụ L sử dụng từ trước năm 1945. Thửa đất này năm 2001 đã được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn Tài. Thời điểm cấp sổ đỏ hộ gia đình cụ Tài có cụ Tài, cụ L, ông Ph và bà B. Phía cụ L, ông Ph và bà B cũng như các bà T, bà Th, chị Bi cũng không có khiếu nại gì về việc cấp sổ đỏ. Do vậy căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về ghi tên trên sổ đỏ, căn cứ Điều 108 của Bộ Luật dân sự năm 2005 xác nhận quyền sử dụng thửa đất số 474 thuộc quyền sử dụng chung của cụ Tài, cụ L, ông Ph và bà B. Có nghĩa là phần di sản quyền sử

dụng đất của cụ Tài để lại sau khi mất là $\frac{1}{4}$ thửa đất số 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân.

Thửa đất này theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 2002 có diện tích $572m^2$, theo kết quả thẩm định tài sản ngày 04/11/2020 do Tòa án tiến hành thì có diện tích thực tế là $536,5m^2$. Phần chênh lệch diện tích $35,5m^2$ này xác định được là do bà Nh đã bán một phần đất cho bà H vào năm 2005. Quá trình giải quyết vụ kiện phía chị Bi và những người có quyền lợi liên quan do chị Bi đại diện không có yêu cầu gì đối với phần đất mà bà Nh đã bán cho bà H và đều có ý kiến đề nghị Tòa án căn cứ diện tích đất thực tế theo thẩm định để giải quyết yêu cầu phân chia di sản. Phía bà H cũng không có yêu cầu gì về cũng thống nhất hiện trạng sử dụng đất giữa hai gia đình. Do vậy xác định di sản là quyền sử dụng đất của cụ Tài để lại là $\frac{1}{4}$ diện tích đất $536,5m^2$ và có giá trị $1.341.250.000 \text{ đồng} / 04 = 335.312.500 \text{ đồng}$ (tương ứng với $134,1m^2$ đất). $\frac{3}{4}$ diện tích đất còn lại (diện tích $402,4m^2$) là tài sản chung của cụ L, ông Ph và bà B.

Đối với khối tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian, khung gỗ Xoan lợp ngói ta, tường xây 220 xây dựng năm 1990 có diện tích $38,7m^2$; 01 nhà bếp tường xây gạch lợp ngói ta xây trước năm 1990 có diện tích $23,0m^2$; 01 nhà lợp tôn có phòng ngủ, bếp, nhà vệ sinh có diện tích $41,5m^2$ chị Bi khai do vợ chồng chị xây dựng năm 2018; 01 Sân ba ta có diện tích $138,8m^2$ được làm trước năm 1990; 01 kho chứa (nhà lán) xây trụ gạch, lợp Ploximang có diện tích $19,4m^2$; 01 bức tường xây gạch 110 có cổng ngõ 2 cánh tổng diện tích $30,5m^2$ và số cây cối lâm lộc trên đất gồm 01 cây Nhãn đường kính 40cm; 01 cây Nhãn đường kính 25cm; 01 cây Bưởi đường kính 20cm và 01 cây Mít đường kính 30cm. Số tài sản trên đất này phía chị Bi và người có quyền lợi liên quan do chị Bi đại diện không có yêu cầu phân chia mà xác định tài sản vào phần đất của ai được chia thì người đó quản lý nên cần chấp nhận.

[2.5]. Về phân chia di sản:

Do cụ Tài không có di chúc phân chia di sản cho những người thừa kế nên yêu cầu chia di sản thừa kế của chị Bi đối với di sản của cụ Tài để lại được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 651 của Bộ Luật dân sự thì những người ở hàng thừa kế thứ nhất được chia và hưởng phần di sản như nhau. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tài bao gồm; Cụ L, bà Th, ông Ph, bà T, bà Nh, bà B và chị Bi. Cụ L, bà Th, ông Ph, bà T và bà B nhận phần di sản được hưởng từ số di sản của cụ Tài nằm trong thửa đất số 474 nhưng tự nguyện để cho chị Bi được hưởng nên chị Bi được quản lý, sử dụng số di sản này.

Đối với bà Nh: Do phần di sản của cụ Tài để lại là diện tích $134,1m^2$ đất nếu chia cho bà Nh bằng hiện vật, tức là bằng đất ở thì phần đất bà Nh được chia chỉ có diện tích $19,1m^2$, không đủ diện tích để tách thửa theo quy định của UBND tỉnh Bắc Ninh do vậy chia di sản giá trị bằng tiền cho bà Nh và người được sử dụng đất phải trích trả bà Nh số tiền tương ứng với số di sản mà bà Nh được hưởng.

Cụ thể việc phân chia: Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân phân chia như sau: Thửa đất này có $\frac{3}{4}$ giá trị là tài sản chung của cụ L, ông Ph và bà B. Số còn lại $\frac{1}{4}$ là giá trị di sản của cụ Tài để phân chia. Xác định phần diện tích $\frac{1}{4}$ về hướng Nam của thửa đất (Giáp nhà đất ông Hiếu – thửa số 489) là di sản của cụ Tài để phân chia và $\frac{3}{4}$ diện tích đất về hướng Bắc (giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Đức- thửa số 475) là tài sản chung của cụ L, ông Ph, bà B giao lại cho cụ L, ông Ph và bà B quản lý sử dụng. Cụ L, ông Ph, bà Bình được tiếp tục sử dụng khối tài sản chung nằm trên phần đất chung của cụ L, ông Ph và bà B.

Phần di sản để phân chia của cụ Tài có trị giá 335.312.500 đồng được chia làm 07 phần, mỗi phần sẽ được là $335.312.500 \text{ đồng} / 7 = 47.901.000 \text{ đồng}$. Chị Bi được sử dụng toàn bộ phần diện tích đất là di sản của cụ Tài để phân chia nhưng phải trích chia phần cho bà Nh tương ứng với giá trị di sản mà bà Nh được hưởng là 47.901.000 đồng. Tạm giao cho chị Bi quản lý, sử dụng số tài sản trên đất thuộc phần diện tích đất mà chị Bi được phân chia sử dụng.

[6]. Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản: Các đương sự gồm cụ L, bà Th, ông Ph, bà T, bà Nh, bà B và chị Bi phải chịu án phí trên giá trị số di sản được nhận theo phần. Do cụ L, ông Ph là người cao tuổi lại mất năng lực hành vi dân sự nên miễn án phí cho cụ L, ông Ph. Đối với bà B sức khỏe tâm thần cũng yếu, bà B độc thân không có gia đình riêng, phải sống cùng với cụ L, ông Ph lại không có công việc, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn đã được UBND xã Đại Xuân xác nhận nên cũng cần miễn án phí cho bà B. Chi phí thẩm định, định giá tài sản chị Bi tự nguyện chịu cả nên cần chấp nhận buộc chị Bi phải chịu.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 207, 227 và 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 5 Điều 26; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 136, Điều 610, 611, 612, 613, 623, 651, 660 của Bộ Luật dân sự. Điểm c, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của chị Nguyễn Thị Bi đối với di sản của cụ Nguyễn Văn Tài để lại.

2. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tài để chia thừa kế gồm có; cụ Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Thế Ph, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Bi.

3. Xác nhận di sản của cụ Tài để lại để phân chia thừa kế bao gồm: $\frac{1}{4}$ diện tích đất về hướng Nam của thửa đất số 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Phần đất có diện tích $134,1\text{m}^2$ có tứ cận hướng Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Đức Hiếu (thửa số 489); hướng Đông giáp tiểu ngõ; hướng Tây giáp đất nhà bà H; hướng Bắc giáp đất cụ L, ông Ph, bà B.

Chia cho chị Nguyễn Thị Bi được quyền sử dụng $\frac{1}{4}$ diện tích tại thửa đất số 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có diện tích $134,1m^2$ có tứ cận cạnh hướng Bắc giáp phần đất của cụ L, ông Ph và bà B có độ dài 26,54 m; cạnh hướng Đông giáp tiểu ngõ có độ dài 5,07m; cạnh hướng Nam giáp nhà đất ông Nguyễn Quốc Hiếu có độ dài 26,35m; cạnh hướng Tây giáp nhà bà H có độ dài 5,07m (Giới hạn 4-5-6-7 trong sơ đồ phân chia đất kèm theo và là một phần không thể tách rời của bản án).

Chị Bi có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định đối với phần đất được phân chia.

Chị Bi phải trích chia trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền trị giá phần di sản mà bà Nh được hưởng từ di sản của cụ Tài với số tiền là 47.901.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, chín trăm lẻ một ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Xác nhận $\frac{3}{4}$ phần diện tích đất ($402,4m^2$) về hướng Bắc của thửa đất số 474, tờ bản đồ số 28 đất thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của cụ L, ông Ph và bà B. Phần đất có diện tích $402,4m^2$ có tứ cận hướng Nam giáp đất chị Bi được chia; hướng Đông giáp tiểu ngõ; hướng Tây giáp đất nhà bà H; hướng Bắc giáp nhà đất ông Nguyễn Văn Đức (Giới hạn 1-2-3-4-7-8-9-10 trong sơ đồ phân chia đất kèm theo và là một phần không thể tách rời của bản án).

Cụ Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị B được tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất sử dụng chung và tiếp tục sử dụng, quản lý phần tài sản chung của cụ Tài, cụ L trên phần đất được sử dụng.

Cụ L, ông Ph và bà B có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định đối với phần đất là tài sản chung.

5. Về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản: Cụ L, ông Ph, bà B không phải chịu án phí chia tài sản. Bà Th, bà T, bà Nh và chị Bi mỗi người phải chịu 2.395.000 đồng án phí chia di sản thừa kế. Xác nhận chị Bi đã nộp số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí theo Bi lai số 0002375 ngày 7/10/2020. Xác nhận bà Th đã nộp số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí theo Bi lai số 0002427 ngày 23/10/2020. Xác nhận bà T đã nộp số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí theo Bi lai số 0002428 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Số tiền bà Th, bà T, chị Bi đã nộp tạm ứng được trừ vào số tiền án phí phải chịu.

Chị Bi tự nguyện chịu cả số tiền 7.800.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản (Xác nhận chị Bi đã nộp tạm ứng đủ)

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Cây